

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Bích Hà	Ủy viên
Ông Trịnh Thanh Giảng	Ủy viên
Ông Trần Văn Long	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Đoàn Thị Bích Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vinh Hiền	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Hoài Thu	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Lê Hoàng Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

Số: -15/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06/02/2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty vào Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (tại Việt Nam) và Công ty ChacKKa Phan MiNing Group (tại Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào) với số tiền là 81.223.000.000 VND và khoản thu khác của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào với số tiền là 61.025.555.900 VND chiếm 52,5% giá trị tài sản thuần của Công ty tại ngày 31/12/2014. Chúng tôi không xác nhận được số dư công nợ phải thu và số dư khoản đầu tư nêu trên. Đồng thời chúng tôi cũng không được Công ty cung cấp Báo cáo tài chính của Công ty ChacKKa Phan MiNing Group và Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào tại thời điểm khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu của khoản đầu tư và khoản phải thu khác nêu trên. Đồng thời chúng tôi không có cơ sở để xem xét việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư nêu trên

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu của khách hàng đã quá hạn thanh toán. Với những tài liệu do Công ty cung cấp chúng tôi không thể ước tính được giá trị dự phòng phải trích lập.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Báo cáo kiểm toán được lập thành 13 bản tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam giữ 12 bản Tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản Tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		357.441.723.733	385.519.569.263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	68.199.673.928	49.137.388.145
1. Tiền	111		68.199.673.928	49.137.388.145
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		213.801.347.916	208.405.238.634
1. Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	166.256.529.626	155.810.309.106
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	11.316.000.933	1.977.167.445
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	78.946.705.857	81.130.539.583
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(42.717.888.500)	(30.512.777.500)
IV. Hàng tồn kho	140		60.798.697.091	121.786.326.109
1. Hàng tồn kho	141	V.3	60.798.697.091	121.786.326.109
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.642.004.798	6.190.616.375
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	2.566.884.439	2.492.821.309
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.3.3	12.075.120.359	3.697.795.066
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		279.828.634.297	268.616.995.155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.723.611.044	6.757.300.761
1. TSCĐ hữu hình	221	V.4	5.063.190.081	4.361.984.398
- Nguyên giá	222		13.928.603.805	10.776.904.928
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.865.413.724)	(6.414.920.530)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	2.660.420.963	2.395.316.363
III. Bất động sản đầu tư	240	V.6	919.092.000	919.092.000
- Nguyên giá	241		919.092.000	919.092.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	269.586.975.612	258.487.895.612
1. Đầu tư vào Công ty con	251		163.785.100.000	153.686.020.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		26.300.000.000	25.300.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		83.223.000.000	83.223.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT dài hạn	259		(3.721.124.388)	(3.721.124.388)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.598.955.641	2.452.706.782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.598.955.641	2.452.706.782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		637.270.358.030	654.136.564.418

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014***(tiếp theo)*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		366.418.803.496	388.226.784.352
I. Nợ ngắn hạn	310		357.411.472.547	379.206.504.583
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	60.862.201.555	70.277.770.659
2. Phải trả người bán	312	VIII.3.4	147.819.640.113	254.812.547.465
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.5	136.875.851.848	43.369.062.944
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.168.854.842	645.797.735
6. Chi phí phải trả	316	V.11	3.292.054.079	1.610.586.388
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	3.009.946.725	3.393.206.826
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.382.923.385	5.097.532.566
II. Nợ dài hạn	330		9.007.330.949	9.020.279.769
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.13	9.000.000.000	9.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.14	7.330.949	20.279.769
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		270.851.554.534	265.909.780.066
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	270.851.554.534	265.909.780.066
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
4. Cổ phiếu quỹ	414		(21.080.016.072)	(21.070.769.403)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.798.167.736	16.798.167.736
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.660.300.000	3.660.300.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.694.076.470	2.743.055.333
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		637.270.358.030	654.136.564.418

*Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015***CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		636.945.255.320	854.663.406.188
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.16	636.945.255.320	854.663.406.188
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	597.461.952.421	808.941.698.906
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.483.302.899	45.721.707.282
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	3.789.482.865	1.320.760.903
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	9.008.837.402	14.068.976.838
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.008.837.402</i>	<i>10.347.852.450</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.6	32.167.666.421	32.238.078.425
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		2.096.281.941	735.412.922
11. Thu nhập khác	31	VIII.3.7	3.799.471.145	4.659.188.137
12. Chi phí khác	32	VIII.3.8	214.625.436	2.690.462.881
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.584.845.709	1.968.725.256
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.681.127.650	2.704.138.178
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.21	(12.948.820)	(38.917.155)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.694.076.470	2.743.055.333

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2014	Năm 2013
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		720.522.115.613	806.686.833.704
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(633.790.117.159)	(755.149.899.442)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.042.809.280)	(5.986.127.730)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(9.008.837.402)	(10.347.852.450)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.666.345.625	51.536.767.411
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(40.245.178.601)	(70.919.080.107)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.101.518.796	15.820.641.386
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các Tài sản dài hạn khác	21		(3.931.762.371)	(47.000.000)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		303.800.000	83.127.116
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(11.099.080.000)	(14.884.250.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.104.148.462	1.314.795.903
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.622.893.909)	(11.533.326.981)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		384.585.114.502	414.882.343.976
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(394.000.683.606)	(429.923.765.173)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(770.000)	(6.908.009.480)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.416.339.104)	(21.949.430.677)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		19.062.285.783	(17.662.116.272)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		49.137.388.145	66.799.504.417
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	68.199.673.928	49.137.388.145

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 16/01/2013 thì

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molypden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Trụ sở Công ty tại: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt, chạy thử.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	05 - 10
Máy móc thiết bị	02 - 07
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại KDC Vĩnh Phú 1, phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con (*Công ty CP Hồng Hà Hà Nội; Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí; Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ; Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn*), đầu tư vào Công ty liên kết (*Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí*) và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Trong đó, Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh, góp vốn vào Công ty TNHH ChacKaPhanh MiNing Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí được lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ phải gọi thêm vốn.

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty chưa đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác để xem xét việc trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay*Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay*

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí công trình, thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng, biên bản bàn giao nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

Cổ phiếu quỹ là số cổ phiếu mua lại theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND và theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 786.000 cổ phiếu với tổng giá trị 6.826.540.837 VND và theo nghị quyết số 01-1/2013/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16/01/2013 công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 114.000 cổ phiếu với tổng giá trị 509.846.566 VND.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng biên bản nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.

Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**12.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho khoản phải thu Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào bằng 70% số tiền nợ gốc và lãi vay đã quá hạn thanh toán 41 tháng với giá trị là 42.717.888.500 VND.

12.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng tòa nhà văn phòng 407 Nguyễn An Ninh được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 01 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn.

12.4. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác:

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, cho thuê thiết bị, bán Vật tư.

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>66.115.644</i>	<i>38.424.201</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>28.362.308.284</i>	<i>49.098.963.944</i>
VND	28.362.308.284	49.098.963.944
Ngân hàng TMCP Quân đội	21.120.753.749	11.933.106.408
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.241.554.535	37.165.857.536
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>39.771.250.000</i>	-
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	22.700.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Quân đội	17.071.250.000	-
Tổng cộng	68.199.673.928	49.137.388.145

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty TNHH Phong Thịnh (ii)	11.347.160.000	11.347.160.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	3.436.929.990	3.436.929.990
Đối tượng khác	3.137.059.967	5.320.893.693
Tổng cộng	78.946.705.857	81.130.539.583

(i) Là khoản cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 và lãi vay. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và lãi vay là 6.025.555.900 VND.

(ii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

(iii) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng số 122/2009 ngày 02/06/2009.

3. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	60.798.697.091	121.786.326.109
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	60.798.697.091	121.786.326.109

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31/12/2014 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình: Ngân hàng công thương Ba Đình; Chung cư CT15, CT16 Tứ Hiệp; Bệnh viện Châm cứu trung ương; Bệnh viện Chợ Rẫy; ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2014	38.095.827	6.512.292.567	3.862.195.785	364.320.749		10.776.904.928
Mua trong năm	-	3.258.413.065	-	-		3.258.413.065
Thanh lý, nhượng bán	-	(106.714.188)	-	-		(106.714.188)
Số dư ngày 31/12/2014	38.095.827	9.663.991.444	3.862.195.785	364.320.749		13.928.603.805
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2014	38.095.827	2.729.537.187	3.328.472.540	318.814.976		6.414.920.530
Khấu hao trong năm	-	2.092.522.002	398.451.974	30.077.200		2.521.051.176
Thanh lý, nhượng bán	-	(70.557.982)	-	-		(70.557.982)
Số dư ngày 31/12/2014	38.095.827	4.751.501.207	3.726.924.514	348.892.176		8.865.413.724
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2014	-	3.782.755.380	533.723.245	45.505.773		4.361.984.398
- Tại ngày 31/12/2014	-	4.912.490.237	135.271.271	15.428.573		5.063.190.081

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.201.521.257 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.540.826.016 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	2.660.420.963	2.395.316.363
Tổng cộng	2.660.420.963	2.395.316.363

6. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2014
Nguyên giá	919.092.000	-	-	919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000	-	-	919.092.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	919.092.000			919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000			919.092.000

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty con		163.785.100.000		153.686.020.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	906.000	9.060.000.000	906.000	9.060.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	9.618.658	141.436.580.000	8.800.000	133.250.000.000
<i>Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí: Công ty góp thêm vốn đầu tư.</i>				
+ về số lượng	818.658	Cổ phần		
+ về giá trị	8.186.580.000	VND		
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	314.250	3.288.520.000	303.000	3.176.020.000
<i>Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ: Công ty góp thêm vốn đầu tư.</i>				
+ về số lượng	11.250	Cổ phần		
+ về giá trị	112.500.000	VND		
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	1.000.000	10.000.000.000	820.000	8.200.000.000
+ về số lượng	180.000	Cổ phần		
+ về giá trị	1.800.000.000	VND		

Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn: Công ty mua số cổ phần của các cổ đông là cá nhân.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết		26.300.000.000		25.300.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	2.630.000	26.300.000.000	2.530.000	25.300.000.000
<i>Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí: Công ty góp thêm vốn đầu tư. Đến thời điểm 31/12/2014 thì Công ty có tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí là 43,83%.</i>				
Đầu tư dài hạn khác		83.223.000.000		83.223.000.000
Công ty CP KD Tổng hợp Việt Lào	19,05%	4.200.500.000	19,05%	4.200.500.000
Công ty ChacKka Phan MiNing Group	20,00%	77.022.500.000	20,00%	77.022.500.000
Công ty CP XNK thủy sản Quảng Ninh	9,98%	2.000.000.000	9,98%	2.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT dài hạn		3.721.124.388		3.721.124.388
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí		3.721.124.388		3.721.124.388

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.598.955.641	2.452.706.782
Tổng cộng	1.598.955.641	2.452.706.782

9. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	38.846.464.510	50.585.092.915
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	22.015.737.045	19.692.677.744
Tổng cộng	60.862.201.555	70.277.770.659

i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thông báo hạn mức số 852/TXU ngày 12/11/2013. Giá trị hạn mức tín dụng cho Văn phòng Công ty là 60 tỷ đồng. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 30/9/2014. Thời gian cho vay: tối đa 09 tháng/khế ước. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm giải ngân. Kỳ tính lãi theo tháng, thu gốc cuối kỳ. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thông báo hạn mức số 784CV/CNTHN-KHDN ngày 01/8/2013. Giá trị hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 100 tỷ đồng. Thời hạn duy trì giới hạn tín dụng đến ngày 31/7/2014. Phương thức cấp tín dụng: theo phương thức từng lần. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 12 tháng/giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo khoản vay: quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ thuộc sở hữu của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam phát sinh từ các hợp đồng kinh tế.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
Thuế GTGT hàng nội địa	625.942.422	14.355.430.925	13.859.974.895	1.121.398.452

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Thuế TNDN	(2.492.821.309)	(74.063.130)	-	(2.566.884.439)
Thuế thu nhập cá nhân	19.855.313	263.532.557	235.931.480	47.456.390
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	265.104.600	265.104.600	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.492.821.309			2.566.884.439
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	645.797.735			1.168.854.842

11. Chi phí phải trả	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	3.292.054.079	1.610.586.388
Tổng cộng	3.292.054.079	1.610.586.388

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	122.755.600	116.740.860
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.887.191.125	3.276.465.966
<i>Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công</i>	<i>1.214.502.178</i>	<i>1.205.915.380</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>699.741.000</i>	<i>700.511.000</i>
<i>Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn</i>	<i>-</i>	<i>390.000.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>972.947.947</i>	<i>980.039.586</i>
Tổng cộng	3.009.946.725	3.393.206.826

13. Phải trả dài hạn người bán	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội (i)	9.000.000.000	9.000.000.000
Tổng cộng	9.000.000.000	9.000.000.000

(i) là khoản phải trả Căn cứ theo hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp số 81-01/HĐKT ngày 29/12/2011 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam với Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội về việc thực hiện thi công xây lắp gói thầu XL01-2010 và Biên bản thỏa thuận về việc gia hạn thời gian thanh toán ngày 31/12/2013 do trong quá trình thi công bên phía chủ đầu tư chưa cung cấp đủ vốn.

14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	7.330.949	20.279.769
Tổng cộng	7.330.949	20.279.769

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Vãn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu**15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
Số dư ngày 01/01/2013	200.000.000.000	59.696.774.500	(20.556.210.837)	4.082.251.900	2.801.785.515	246.024.601.078	
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.743.055.333	2.743.055.333	2.743.055.333
Tăng khác	-	-	(514.558.566)	-	-	(514.558.566)	(514.558.566)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.801.785.515)	(2.801.785.515)	(2.801.785.515)
Số dư ngày 01/01/2014	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.070.769.403)	4.082.251.900	2.743.055.333	245.451.312.330	
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	5.694.076.470	5.694.076.470	5.694.076.470
Tăng khác	-	-	(9.246.669)	-	-	(9.246.669)	(9.246.669)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.743.055.333)	(2.743.055.333)	(2.743.055.333)
Số dư ngày 31/12/2014	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.080.016.072)	4.082.251.900	5.694.076.470	248.393.086.798	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các cổ đông của Công ty	181.000.000.000	181.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	19.000.000.000	19.000.000.000
Tổng cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.4 Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng**15.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2014
Quỹ đầu tư phát triển	16.798.167.736	1.000.000.000	-	17.798.167.736
Quỹ dự phòng tài chính	3.660.300.000	1.000.000.000	-	4.660.300.000
Tổng cộng	20.458.467.736	2.000.000.000	-	22.458.467.736

***) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**16. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	585.293.387.364	819.491.479.899
Doanh thu thuần hoạt động khác	51.651.867.956	35.171.926.289
Tổng cộng	636.945.255.320	854.663.406.188

17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	545.884.757.920	773.789.059.105
Giá vốn hoạt động khác	51.577.194.501	35.152.639.801
Tổng cộng	597.461.952.421	808.941.698.906

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	564.116.119	257.808.202
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.944.800.000	1.055.901.000
Lãi cho vay vốn	280.183.000	-
Doanh thu tài chính khác	383.746	7.051.701
Tổng cộng	3.789.482.865	1.320.760.903

19. Chi phí tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Trích lập dự phòng đầu tư	-	3.721.124.388
Chi phí lãi vay	9.008.837.402	10.347.852.450
Tổng cộng	9.008.837.402	14.068.976.838

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	641.589.409.330	859.587.454.228
Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phân bổ	51.795.284	155.668.618

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	638.841.831.680	857.895.580.270
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.799.372.934	1.847.542.576
Chuyển lỗ vào thu nhập chịu thuế trong kỳ	(2.799.372.934)	(1.847.542.576)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	-	-

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(12.948.820)	(38.917.155)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(12.948.820)	(38.917.155)

22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	472.914.155.958	691.050.956.763
Chi phí nhân công	39.453.722.211	78.705.442.416
Chi phí máy thi công	9.884.158.819	6.928.787.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.521.051.176	2.885.449.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	43.489.029.660	44.507.605.674
Tổng cộng	568.262.117.824	824.078.242.573

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

24. Báo cáo bộ phận**24.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân bổ hợp lý bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2014

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND			Loại trừ	Tổng cộng
	Miền Bắc (1)	Miền Trung (2)	Miền Nam (3)		
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	240.229.631.377	23.830.812.072	372.884.811.871	-	636.945.255.320
<i>Trong đó: Doanh thu thuần từ bán hàng nội bộ</i>	<i>208.049.091</i>	-	<i>50.846.484.318</i>	-	<i>51.054.533.409</i>
2. Giá vốn hàng bán	228.570.770.473	23.430.205.918	345.460.976.030		597.461.952.421
Lợi nhuận gộp	11.658.860.904	400.606.154	27.423.835.841		39.483.302.899

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2013

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND			Loại trừ	Tổng cộng
	Miền Bắc (1)	Miền Trung (2)	Miền Nam (3)		
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	400.967.558.353	71.931.558.536	381.764.289.299	-	854.663.406.188
<i>Trong đó: Doanh thu thuần từ bán hàng nội bộ</i>	<i>407.479.091</i>	-	<i>34.052.218.105</i>	-	<i>34.459.697.196</i>
2. Giá vốn hàng bán	379.721.143.502	70.947.377.597	358.273.177.807		808.941.698.906

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Lợi nhuận gộp	21.246.414.851	984.180.939	23.491.111.492	45.721.707.282	45.721.707.282
---------------	----------------	-------------	----------------	----------------	-----------------------

24.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là xây lắp, chuyển nhượng bất động sản, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BĐS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	557.541.014.673	4.436.929.990	75.292.413.367	637.270.358.030	-	637.270.358.030
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	363.531.612.371	-	2.887.191.125	366.418.803.496	-	366.418.803.496

Đơn vị tính: VND

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BĐS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	564.905.757.335	9.736.929.990	79.493.877.093	654.136.564.418	-	654.136.564.418
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	385.028.629.116	390.000.000	2.808.155.236	388.226.784.352	-	388.226.784.352

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

25. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.09 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	60.862.201.555	70.277.770.659
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	68.199.673.928	49.137.388.145
Nợ thuần	(7.337.472.373)	21.140.382.514
Vốn chủ sở hữu	270.851.554.534	265.909.780.066
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(0,03)	0,08

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.199.673.928	49.137.388.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.485.346.983	206.428.071.189
Các khoản đầu tư tài chính	83.223.000.000	83.223.000.000
Tổng cộng	353.908.020.911	338.788.459.334
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	60.862.201.555	70.277.770.659
Phải trả người bán và phải trả khác	159.829.586.838	267.205.754.291
Chi phí phải trả	3.292.054.079	1.610.586.388
Tổng cộng	223.983.842.472	339.094.111.338

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2014	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	150.829.586.838	9.000.000.000	159.829.586.838
Chi phí phải trả	3.292.054.079	-	3.292.054.079
Các khoản vay	60.862.201.555	-	60.862.201.555
01/01/2014	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	258.205.754.291	9.000.000.000	267.205.754.291
Chi phí phải trả	1.610.586.388	-	1.610.586.388
Các khoản vay	70.277.770.659	-	70.277.770.659

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2014	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.199.673.928	-	68.199.673.928
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.485.346.983	-	202.485.346.983
Các khoản đầu tư tài chính	-	83.223.000.000	83.223.000.000
01/01/2014	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.137.388.145	-	49.137.388.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	206.428.071.189	-	206.428.071.189
Các khoản đầu tư tài chính	-	83.223.000.000	83.223.000.000

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

26. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2014
	VND
Đối trừ công nợ phải trả với cổ tức lợi nhuận được chia	2.070.000.000
Lãi dự thu các khoản tiền gửi có kỳ hạn	335.151.403
Đối trừ tiền lãi cho vay được hưởng với công nợ phải trả người bán	280.183.000

VIII Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

2. Thông tin với các bên liên quan

2.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với	Năm 2014	Năm 2013
	Công ty	VND	VND
Doanh thu		114.259.354.491	34.459.697.196
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	208.049.091	407.479.091
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	50.846.484.318	34.052.218.105
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	63.204.821.082	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính		2.794.800.000	906.000.000
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	724.800.000	906.000.000
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	2.070.000.000	-
Chi phí		317.818.524.393	423.950.940.800
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	73.024.158.413	156.224.502.303
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	16.634.238.920	5.143.470.291
Công ty Cổ phần Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	228.160.127.060	262.582.968.206

2.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu của khách hàng		3.643.686.968	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	3.643.686.968	-
Trả trước cho người bán		17.104.755.529	2.684.129.524
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	57.192.988	104.129.524
Công ty Cổ phần Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	9.151.793.041	780.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	7.895.769.500	1.800.000.000
Người mua trả tiền trước		44.764.876.809	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	44.764.876.809	-
Phải trả người bán		45.965.013.612	110.001.170.626
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	36.758.937.241	71.703.138.075
Công ty Cổ phần Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	9.093.657.571	37.713.032.551
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	112.418.800	585.000.000
Phải trả khác		121.102.172	-
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	121.102.172	-

2.3 Thu nhập Ban Giám đốc

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương	2.087.269.500	2.380.000.000
Tổng cộng	2.087.269.500	2.380.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

3. Các thông tin khác**3.1 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Trụ sở chính	31.272.887.713	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	4.404.284.000	9.505.935.000
Công ty CP Đầu tư Văn phú - Invest	19.627.209.078	29.676.743.617
Bệnh viện K	16.802.938.548	21.225.336.823
Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	14.313.946.000	168.854.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	13.869.905.360	7.042.526.572
Viện Sốt rét côn trùng Quy Nhơn	8.938.952.000	750.923.000
Bệnh viện Răng hàm mặt TP Hồ Chí Minh	7.402.501.100	7.402.501.100
Đại học Kỹ thuật Y dược Đà Nẵng	6.840.763.853	6.840.763.853
Bệnh viện Châm cứu Trung ương	5.671.922.000	3.087.142.000
Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	6.399.541.631	5.994.117.184
Bệnh viện đa khoa Bình Thuận	3.967.431.585	7.174.108.063
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	3.643.686.968	-
Bệnh viện Chợ Rẫy	2.613.865.000	2.896.525.641
Viện bỏng Lê Hữu Trác	2.003.772.417	2.003.772.417
Trường Đại học Công nghệ thông tin	1.620.977.665	-
Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm	1.323.121.000	1.419.560.000
UBND Quận Hoàng Mai	1.288.938.000	1.288.938.000
Công ty TNHH Cát Tường	1.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV Phim Giải Phóng	833.581.744	833.581.744
Bộ Tài nguyên Môi trường	654.050.235	5.247.462.709
Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam	484.021.000	1.757.960.755
Ban quản lý Dự án quận Cầu Giấy	388.176.000	1.556.688.700
Trường Đại học Sân khấu điện ảnh	360.360.151	1.715.685.907
Đại học Y dược Thái Bình	4.109.000	9.889.130.000
Bệnh viện Nông nghiệp	-	3.638.650.916
Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và du lịch	-	2.720.953.482
Kho bạc Nhà nước Cao Bằng	-	2.384.805.000
Kho bạc Nhà nước Khánh Hòa	-	825.404.050
Đối tượng khác	10.525.587.578	12.762.238.573
Tổng cộng	166.256.529.626	155.810.309.106

3.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Sài Gòn	9.151.793.041	780.000.000
Trương Trung Nghĩa	1.303.875.514	-
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	57.192.988	104.129.524

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Vũ Hoàng Nam	-	40.000.000
Lê Văn Tuấn	-	37.206.500
Đối tượng khác	803.139.390	1.015.831.421
Tổng cộng	11.316.000.933	1.977.167.445

3.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.075.120.359	3.697.795.066
Ngân hàng TMCP Quân đội	8.795.266.913	3.697.795.066
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.279.853.446	-
Tổng cộng	12.075.120.359	3.697.795.066

3.4 Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyễn Sơn Cương	22.229.360.759	30.547.828.243
Nguyễn Phúc Thịnh	4.219.751.690	8.136.413.720
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	36.758.937.241	62.703.138.075
Lê Quốc Tuấn	9.147.576.603	9.963.402.542
Trương Trung Nghĩa	18.790.901.475	20.372.981.534
Phạm Vinh Hiền	11.621.347.080	22.485.368.871
Vũ Hoàng Nam	4.654.552.230	5.097.727.811
Nguyễn Hồ Vinh	3.277.722.350	4.331.631.714
Nguyễn Hoàng Quý	874.399.747	6.564.056.717
Công ty CP Hồng Hà Sài Gòn	9.093.657.571	37.713.032.551
Đối tượng khác	27.151.433.367	46.896.965.687
Tổng cộng	147.819.640.113	254.812.547.465

3.5 Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	44.764.876.809	-
Kho bạc Nhà nước TP Hồ Chí Minh	28.544.030.000	-
Bệnh viện bệnh nhiệt đới Trung ương	26.164.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Ba Đình	22.718.296.789	22.718.296.789
Bệnh viện Chợ Rẫy	8.894.341.608	10.459.735.600
Ban quản lý Dự án Nông nghiệp Đồng Nai	2.460.770.000	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Phát triển Giao thông Đô thị Hà Nội	2.107.381.742	3.739.976.834
Bộ tài nguyên môi trường	1.126.863.900	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	5.265.665.996

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	-	185.438.956
Đối tượng khác	95.291.000	999.948.769
Tổng cộng	136.875.851.848	43.369.062.944

3.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.452.357.413	8.305.256.020
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.430.527.562	1.339.213.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	427.137.787	688.411.200
Thuế, phí, lệ phí	10.425.000	159.891.690
Chi phí dự phòng	12.205.111.000	14.012.777.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.614.393.626	6.538.016.954
Chi phí bằng tiền khác	2.027.714.033	1.194.511.680
Tổng cộng	32.167.666.421	32.238.078.425

3.7 Thu nhập khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	94.363.636	3.100.738.154
Thu bán thanh lý nội thất	181.818.182	-
Thu nhập khác	3.523.289.327	1.558.449.983
Tổng cộng	3.799.471.145	4.659.188.137

3.8 Chi phí khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	36.156.206	1.705.000.220
Giá trị còn lại của nội thất thanh lý	178.461.823	-
Chi phí khác	7.407	985.462.661
Tổng cộng	214.625.436	2.690.462.881

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh